

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

Phụ lục III
(Ban hành kèm theo Nghị định số 140/2026/NĐ-CP ngày
16/4/2026)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỈNH CÀ MAU
Năm 2025

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động chủ yếu	500			
1	Thặng dư/ (Thâm hụt) trong kỳ báo cáo	510			
2	Điều chỉnh các khoản:	511			
	Khấu hao, hao mòn	512			
	(Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	513			
	Chi phí lãi vay	514			
	(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	515			
	(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	516			
	Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	517			
	Các khoản điều chỉnh khác	520			
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu (I.1 + I.2)	521			
II.	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư	540			
1	Tiền chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	541			
2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	542			
3	Tiền chi cho vay, góp vốn và đầu tư	543			
4	Tiền thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư	544			
5	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	545			

6	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (II.1 + II. 2 + II.3 + II.4 + II.5)	546			
III.	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	560			
1	Tiền thu từ khoản đi vay	561			
2	Tiền chi từ hoàn trả khoản gốc vay	562			
3	Tiền thu từ hoạt động tài chính khác	563			
4	Tiền chi từ hoạt động tài chính khác	564			
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (III.1 + III.2 + III.3 + III.4)	565			
IV.	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (I.3 + II.6 + III.5)	570			
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	580			
VI.	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	590			
VII.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (IV + V + VI)	600			

Ghi chú: Theo hướng dẫn tại Công văn số 3256/KBNN-KTNN ngày 22/5/2026 của KBNN thì năm 2025 không lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, do không đủ thông tin để lập Báo cáo này theo hướng dẫn tại Thông tư số 51/2026/TT-BTC.